

TỈNH ỦY HƯNG YÊN

*

Số 247- BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình, kết quả giữa nhiệm kỳ
thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh**

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đánh giá tình hình, kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, như sau:

A- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIỮA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XVIII ĐẢNG BỘ TỈNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, bên cạnh những thành tựu đạt được sau hơn 30 năm đổi mới và gần 20 năm tái lập tỉnh, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến khó lường; kinh tế thế giới từng bước phục hồi, kinh tế vĩ mô dần ổn định, lạm phát được kiểm soát; tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt khá cao; tuy nhiên chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế trong tỉnh còn thấp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp... Những yếu tố trên đã tác động tới kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII về phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong nửa đầu nhiệm kỳ.

I- Kết quả chủ yếu giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện đồng bộ 06 chương trình của Tỉnh uỷ và 10 đề án của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (*Danh mục các chương trình, đề án xem tại Phụ lục 01*), đồng thời lãnh đạo xây dựng, rà soát bổ sung và phê duyệt gần 20 đề án quy hoạch ngành, chuyên ngành, lĩnh vực đến 2020, định hướng đến 2025, một số nội dung có tầm nhìn đến năm 2030; đây là những chủ trương, giải pháp và định hướng quan trọng để triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tỉnh.

Nửa đầu nhiệm kỳ qua, kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá so với mức bình quân chung của cả nước, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 ước tăng 8,51%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2018 dự kiến đạt 56 triệu đồng, tăng 15,6 triệu đồng so năm 2015; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá; tình hình thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc so với cùng kỳ

nhiệm kỳ trước cả về số dự án và tổng số vốn đăng ký (giai đoạn 2016 – 2018: thu hút thêm 558 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 34 nghìn tỷ đồng và 827 triệu USD, gấp 2 lần về số dự án và vốn đăng ký so với cùng kỳ nhiệm kỳ trước); thu ngân sách năm sau tăng cao hơn năm trước, ước thu ngân sách năm 2018 đạt trên 12.015 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng bình quân 19,43%/năm (Mục tiêu tăng bình quân 16%/năm), năm 2017 xuất khẩu đạt 3,68 tỷ USD (Mục tiêu đến năm 2020 xuất khẩu đạt 5 tỷ USD); giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản, công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng khá so với mức tăng chung của cả nước; xây dựng nông thôn mới (NTM) đạt kết quả tích cực; lĩnh vực văn hoá - xã hội có tiến bộ, an sinh xã hội được quan tâm chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện; công tác quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội có sự chuyển biến tích cực; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được chú trọng, củng cố ngày càng vững mạnh. Nhìn chung hầu hết các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đảng có triển vọng khả quan so mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đề ra (*Số liệu chi tiết xem tại biểu Phụ lục 2*).

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu cụ thể phát triển ngành, lĩnh vực thể hiện tại các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đề án và Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh, đến giữa nhiệm kỳ đạt còn thấp; nếu không tập trung cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện thì kết quả đến cuối nhiệm kỳ có khả năng không đạt mục tiêu đề ra. Do vậy, từ nay đến cuối nhiệm kỳ cần phải nghiên cứu, phân tích và đánh giá thật cụ thể, trên cơ sở thực tiễn và khoa học, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các giải pháp đồng bộ và phù hợp, tăng cường tuyên truyền, quyết liệt chỉ đạo, phân đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết đã đề ra đến năm 2020 (*Số liệu chi tiết xem tại biểu Phụ lục 3*)

II- Thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội

1- Phát triển các ngành kinh tế

1.1- Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Sản xuất nông nghiệp: Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng bình quân 2,51%/năm (mục tiêu 2,5-3%/năm). Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tỷ trọng cây lương thực giảm dần, tăng tỷ trọng rau quả, cây công nghiệp và chăn nuôi, thủy sản; năm 2018, cơ cấu dự kiến đạt: cây lương thực 19,63% - rau quả, cây công nghiệp 24,87% - chăn nuôi, thủy sản 55,5% (Mục tiêu đến 2020: 15,5% - 26,5% - 58%).

Đã tích cực chuyển đổi cơ cấu thời vụ, cơ cấu giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đến hết năm 2017 giá trị thu được trên 01 ha canh tác đạt 173,5 triệu đồng/ha, tăng 23,5 triệu đồng/ha so với năm 2015. Giai đoạn 2015 – 2017, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 3.102ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản (Mục tiêu Nghị quyết chuyển đổi 2.500ha). Chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng

hóa, chăn nuôi tập trung theo hình thức trang trại, gia trại. Sản lượng thịt xuất chuồng của các loại gia súc, gia cầm tăng từ 132 nghìn tấn năm 2015 lên trên 142 nghìn tấn năm 2017. Thủy sản phát triển ổn định, đến nay sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 39.348 tấn, tăng gần 14% so với năm 2015. Giá trị sản phẩm thu được trên 1ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 281 triệu đồng, tăng 10,4% so với năm 2015. Đến nay, toàn tỉnh có 213 HTX nông nghiệp, 40 tổ hợp tác, 653 mô hình kinh tế trang trại đang hoạt động.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đạt nhiều kết quả. Đến hết năm 2017: có 87 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt 60%, tăng 52 xã so với năm 2015; bình quân toàn tỉnh đạt 18 tiêu chí/xã. Huyện Mỹ Hòa được công nhận huyện NTM. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

1.2- Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Lĩnh vực công nghiệp phát triển khá, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng đều qua các năm, bình quân giai đoạn 2016-2018 ước tăng 9,37%/năm (mục tiêu tăng 9-10%/năm). Hơn 2 năm qua, toàn tỉnh đã thu hút thêm 558 dự án đầu tư (457 dự án trong nước, 101 dự án nước ngoài) với tổng vốn đăng ký gần 34 nghìn tỷ đồng và trên 827 triệu USD; nâng tổng số dự án đầu tư trên địa bàn đến nay lên 1.802 dự án (1.380 dự án trong nước và 422 dự án nước ngoài) với tổng vốn đầu tư đăng ký tương đương khoảng 9,2 tỷ USD. Có thêm 189 dự án đi vào hoạt động, đưa tổng số dự án đi vào hoạt động lên 982 dự án, tạo việc làm mới cho 16,4 vạn lao động. Cơ cấu thu hút đầu tư có sự chuyển dịch tích cực, tập trung nhiều hơn vào các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, nhất là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài; ưu tiên các dự án sử dụng nhiều lao động nông thôn, có thời gian đào tạo nghề ngắn, để từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ.

Thực hiện rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch 05 KCN, điều chỉnh quy mô diện tích 07 KCN và bổ sung KCN Yên Mỹ vào quy hoạch phát triển đến năm 2020, nâng tổng diện tích các KCN quy hoạch phát triển trên địa bàn tỉnh lên 2.481,45ha. Giai đoạn 2016-2018, KCN Yên Mỹ II cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng, đang triển khai tiếp nhận dự án đầu tư; dự kiến trong năm 2018 sẽ có thêm KCN Minh Đức đi vào hoạt động, nâng tổng số các KCN đi vào hoạt động lên 5 KCN với tổng diện tích 1.356ha, đạt 54,64% tổng diện tích quy hoạch; có 3 CCN thu hút được nhà đầu tư hạ tầng. Các hoạt động thu hút đầu tư trong KCN được quan tâm; đến nay tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt 83%. Một số KCN có tỷ lệ lấp đầy dự án cao như: Thăng Long II 87,8%; Phố Nối A 81,5%. Hầu hết các dự án đầu tư vào các KCN có tốc độ triển khai nhanh, tạo doanh thu khoảng 4,5 tỷ USD/năm.

Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tiếp tục phát triển. Đến nay, toàn tỉnh có 51 làng nghề trong đó có một số làng nghề phát triển hiệu quả như: Làng nghề Hoa, cây cảnh Xuân Quan, làng nghề truyền thống Đúc đồng Lộng Thượng, làng nghề mộc mỹ nghệ Phúc Miếu, Thuần Mỹ,... Các hoạt động phát triển doanh nghiệp được triển khai hiệu quả. Có thêm 3.607 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký đạt trên 31,7 nghìn tỷ đồng. Nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh đến nay đạt 9.930 doanh nghiệp, tổng số vốn

đăng ký trên 86,7 nghìn tỷ đồng. Công tác sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước được đẩy mạnh thực hiện; đến nay, các doanh nghiệp nhà nước đã có mức tăng trưởng và lợi nhuận cao hơn so với trước khi chuyển đổi, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

1.3- Thương mại và dịch vụ

Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ duy trì tăng trưởng khá, bình quân giai đoạn 2016-2018 ước đạt 8,67%/năm (tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 8,3%/năm). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2018 ước tăng 11,8%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng 15,19%/năm). Các dịch vụ giáo dục, đào tạo, dịch vụ y tế, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ tư vấn, pháp lý... tiếp tục được duy trì phát triển.

Xuất khẩu duy trì tốc độ tăng cao, giữ được thị trường truyền thống, một số mặt hàng xâm nhập được các thị trường mới có tiềm năng; bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 19,43%/năm (mục tiêu tăng 16%/năm), dự kiến năm 2018 đạt 4,29 tỷ USD, tăng gấp 1,67 lần so với năm 2015. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là hàng điện tử, may mặc, giày dép...; giá trị xuất khẩu hàng nông sản và chế biến ngày càng tăng. Nhập khẩu tăng trưởng cao, bình quân 19%/năm. Các doanh nghiệp đã chủ động củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới; tích cực đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá và tăng sức cạnh tranh.

1.4- Thu, chi ngân sách

Giai đoạn 2016-2018 đánh dấu bước tiến rõ trong công tác thu ngân sách của tỉnh; đây là giai đoạn thu ngân sách tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, bình quân thu ngân sách tăng 14,35%/năm; từ năm 2017 tỉnh được giao tự cân đối thu chi, có điều tiết về ngân sách Trung ương. Năm 2016 thu ngân sách đạt 9.475 tỷ đồng, năm 2017 đạt 12.015 tỷ đồng, năm 2018 dự kiến đạt 12.015 tỷ đồng, tăng 1,45 lần so với năm 2015, trong đó thu nội địa 8.565 tỷ đồng, tăng gần 1,5 lần so với năm 2015.

Chi ngân sách hàng năm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định. Chi ngân sách năm 2017 là 9.190 tỷ đồng, tăng 20,7% so kế hoạch giao (trong đó, chi đầu tư phát triển 3.333 tỷ đồng, tăng 51,1%; chi thường xuyên 5.854 tỷ đồng, tăng 4%). Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 đạt 4.366 tỷ đồng, bằng 46,8% kế hoạch (trong đó, chi đầu tư phát triển 1.332 tỷ đồng, đạt 40,8% kế hoạch, tăng 46%; chi thường xuyên 3.034 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch, tăng 18,7%).

1.5- Phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và hạ tầng mạng lưới điện

Giai đoạn 2016-2018 toàn tỉnh huy động cao nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tổng vốn huy động toàn xã hội 3 năm đạt gần 94 nghìn tỷ đồng, đạt 62,6% mục tiêu Nghị quyết đề ra. Đến nay kết quả xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đạt được kết quả khá:

- Hạ tầng giao thông vận tải được quan tâm đầu tư phát triển, nhất là những tuyến đường trọng điểm. Đã hoàn thành đưa vào khai thác tuyến cao tốc Hà Nội -

Hải Phòng với nút giao Lý Thường Kiệt tạo kết nối thuận lợi và rút ngắn thời gian đi Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Trong năm 2018 dự kiến hoàn thành công trình Cầu Hưng Hà; hoàn thành thông xe giai đoạn 1 tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; Dự án nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hồng (ĐT.378) hoàn thành được 41km. Hoàn thành một số tuyến đường tỉnh như: Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 200 (nay là ĐT.376); Dự án xây dựng Cầu Minh Tân và đường dẫn; Dự án đường nối Trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên với đường 281 tỉnh Bắc Ninh. Các tuyến đường huyện, đường xã được quan tâm cải tạo, nâng cấp: đã nâng cấp 155,6km đường huyện và 10 cầu huyện, nâng cấp 65,5km đường xã, 419 km đường thôn xóm, đường ra đồng. Tỷ lệ các tuyến đường huyện, đô thị được trải nhựa hoặc bê tông đạt 96,9% (mục tiêu Nghị quyết đạt tỷ lệ 100%). Tỷ lệ các tuyến đường xã, liên xã được trải nhựa hoặc bê tông đạt 94% (mục tiêu Nghị quyết đạt tỷ lệ 100%). Tỷ lệ đường trong thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt tỷ lệ là 68,7% (mục tiêu Nghị quyết đạt tỷ lệ 100%).

- Hệ thống thủy lợi được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, nhiều dự án lớn, trọng điểm của tỉnh được triển khai thực hiện như: Trạm bơm Nghi Xuyên, trạm bơm Liên Nghĩa, trạm bơm Chùa Tổng, dự án đê tả sông Hồng... góp phần nâng cao năng lực tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai của tỉnh.

- Đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV), làm cơ sở tập trung đầu tư hạ tầng lưới điện. Từ năm 2016 đến nay, đã triển khai đầu tư cải tạo và xây dựng mới được 152,4km đường dây trung thế, 205,2km đường dây hạ thế, cải tạo nâng công suất và xây dựng mới 251 trạm biến áp. Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các công trình điện trọng điểm như: Đường dây và Trạm biến áp 110 kV Minh Hải, Đường dây và trạm biến áp 110kV Văn Giang 1, 110kV Văn Giang 2; nâng cao năng lực truyền tải đường dây 110kV nhánh rẽ vào TBA 110kV Hưng Yên;...

- Hạ tầng thương mại được đầu tư phát triển. Giai đoạn 2016-2018 đã xây mới thêm 04 chợ, nâng cấp cải tạo 10 chợ; nâng tổng số chợ hiện có là 107 chợ. Xây dựng và đưa vào hoạt động một số siêu thị như: Siêu thị Intermex Như Quỳnh, hệ thống siêu thị Điện máy Xanh...; hoạt động của hệ thống chợ và siêu thị đã góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tiêu thụ hàng hóa.

- Đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 làm căn cứ lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển các đô thị trong tỉnh. Đến nay hoàn thành: Quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đường bộ nối 2 đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050; Xây dựng 10 quy hoạch chi tiết và điều chỉnh 5 quy hoạch chi tiết các khu đô thị và khu dân cư. Công tác quản lý vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng công trình được tăng

cường. Công tác xây dựng và phát triển đô thị được đẩy mạnh. Tỷ lệ đô thị hóa đến hết năm 2018 ước đạt 33%, tăng 10% so với năm 2015. Dự kiến đến cuối năm 2018 có thêm 8 xã đạt đô thị loại V.

1.6- Tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai được tăng cường, đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh và kế hoạch sử dụng đất các năm 2016, 2017, 2018 của 10 huyện, thành phố. Công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm. Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 79,23% số thửa cần cấp và đạt 82,25% diện tích cần cấp. Kế hoạch dồn thửa, đổi ruộng đất nông nghiệp được triển khai hiệu quả, đến nay tỷ lệ số hộ có 01 thửa là 51,56%, số hộ có 02 thửa là 39,71% và còn có hộ 3 thửa là 8,73%. Việc xử lý vi phạm lấn chiếm hành lang công trình giao thông, thủy lợi, xử lý vi phạm xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp đã tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất đai.

Các hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ. Đã hỗ trợ các huyện thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý chất thải Đại Đồng. Xây dựng 17 bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh và 97 điểm tập kết rác thải quy mô thôn, xã. Đến nay: Tỷ lệ các hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đạt 23,26% (Mục tiêu đến năm 2020 đạt 65%), tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý theo quy định đạt khoảng 67%. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước được tăng cường. Lĩnh vực quản lý khoáng sản được chấn chỉnh.

2- Phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ

Giai đoạn 2016-2018 chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Toàn tỉnh đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Các trường tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh. Công tác xây dựng phòng học ở các cấp học được triển khai đồng bộ và đạt kết quả tích cực; toàn tỉnh có 320 trường đạt trường chuẩn quốc gia, tăng 57 trường so với năm 2015. Giáo viên đạt chuẩn ở tất cả các cấp học; tỷ lệ trên chuẩn: ở giáo dục mầm non đạt 67,07%, tiểu học trên chuẩn 93,29%, THCS trên chuẩn 69,69%, THPT trên chuẩn 16,61%.

Y tế dự phòng được triển khai tích cực. Duy trì mức sinh hợp lý và giảm dần mất cân bằng giới tính khi sinh. Chất lượng dân số được nâng cao; tuổi thọ trung bình đạt trên 74 tuổi. Chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến tiếp tục được nâng cao; một số dịch vụ y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao được triển khai đạt kết quả, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên. Đến nay đạt tỷ lệ 27,3 giường bệnh/vạn dân đạt, 6,8 bác sỹ/vạn dân. Công tác khám, chữa bệnh cho các đối tượng BHYT tại các cơ sở y tế công lập có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 71,62% (năm 2015) lên 85,33%, dự kiến đến hết năm 2018 đạt 86,5%. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90%, tăng 20% so với năm 2015.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” từng bước đi vào chiều sâu. Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88%, tỷ lệ gia đình văn hoá 91%, đạt mục tiêu nghị quyết đề ra. Tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được chú trọng. Công tác đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được duy trì và phát triển; thể thao thành tích cao giành được một số giải quốc gia và khu vực; thành lập câu lạc bộ Bóng đá Phố Hiến hoạt động theo quy chế bóng đá chuyên nghiệp; Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, xúc tiến du lịch; số lượt khách du lịch đến thăm Hưng Yên bình quân hàng năm đều tăng.

Các chế độ, chính sách đối với người có công được quan tâm thực hiện, đảm bảo các hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình ở khu dân cư. Công tác giảm nghèo được triển khai hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 6,81% năm 2015 xuống còn 3,41% năm 2017. Triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình quốc gia về bảo vệ chăm sóc trẻ em. Đến nay toàn tỉnh có 95,03% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em. Thực hiện đào tạo nghề theo định hướng thị trường lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2018 dự kiến đạt 60%, tăng 6% so với năm 2015. Trung bình mỗi năm tạo việc làm cho 22.150 người/năm, trong đó xuất khẩu lao động 3.310 người/năm, cao hơn bình quân giai đoạn 2011-2015.

Giai đoạn 2016-2018, đã tổ chức triển khai được một số nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống có hiệu quả; tổ chức tập huấn và chuyên gia thành công 54 mô hình ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất; tổ chức xây dựng và bảo hộ sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương, như: Chỉ dẫn địa lý Nhãn lồng Hưng Yên; Nhãn hiệu chứng nhận: Vải lai chín sớm Phù Cừ, rượu Lạc Đạo, rượu Trương Xá, chuỗi tiêu Hồng Khoái Châu, nghệ Chí Tân - Khoái Châu; đúc đồng Lộng Thượng;...

3- Quốc phòng, an ninh; công tác cải cách hành chính

Triển khai thực hiện có hiệu quả việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, cháy nổ. Tổ chức thành công: diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2017; diễn tập khu vực phòng thủ ở các huyện, thành phố; diễn tập quốc phòng, an ninh cho các sở, ngành; hoàn thành chỉ tiêu huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng đủ chỉ tiêu; giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên đảm bảo chất lượng. Đã tuyển chọn và giao 5.850 chiến sĩ mới nhập ngũ và đón 4.000 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương. Công tác phòng, chống tội phạm được triển khai hiệu quả: Đã khởi tố, điều tra 1.242 vụ, bắt 1.628 bị can vi phạm trật tự xã hội, điều tra khám phá 1.020 vụ (đạt 82,12%); Xử lý hành chính 446 vụ, 729 đối tượng vi phạm pháp luật về TTXH; Phát hiện, xử lý 195 vụ buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; Khởi tố 508 vụ bắt 581 bị can, xử lý hành chính 80 vụ 415 đối tượng buôn lậu ma túy; Khởi tố 147

vụ 988 bị can, xử lý hành chính 287 vụ, 1.458 đối tượng tội phạm cờ bạc; Xử lý 271 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phạt 8,744 tỷ đồng.

Chỉ đạo triển khai tích cực các hoạt động cải cách hành chính. Đã tổ chức rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính một cách toàn diện và khá triệt để. Đến nay 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Duy trì, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp tiếp cận được kịp thời, thuận tiện và hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức được đẩy mạnh. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực, trách nhiệm, trình độ chuyên môn cao.

4- Về xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở

4.1- Công tác chính trị tư tưởng

Nửa nhiệm kỳ qua, cấp ủy các cấp đã chú trọng tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy gắn với xây dựng chương trình hành động, đề án, kế hoạch thực hiện sát thực, đưa nghị quyết vào cuộc sống; tạo được sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đã tổ chức triển khai thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy “về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt học tập, triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân” đạt kết quả bước đầu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp, tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị đạt kết quả cao. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã mở 830 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho trên 8 vạn lượt học viên.

Nhìn chung, công tác chính trị tư tưởng được thực hiện nghiêm túc và khá đồng bộ ở các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương và cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng đời sống văn hóa, thống nhất nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, thực hiện đạt kết quả toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội các năm vừa qua (năm 2016, 2017).

4.2- Công tác tổ chức xây dựng đảng

Các cấp ủy đảng đã xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, triển khai thực hiện hiệu quả nghị quyết của Đảng, các chương trình, đề án của Tỉnh ủy về công tác cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị, tạo được sự chuyển biến tích cực trong công tác tổ chức xây dựng đảng. Đã tiến hành rà soát, bổ sung và phê duyệt quy hoạch cán bộ các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 04-ĐA/TU ngày 28/10/2016 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn (khu phố) gắn với môi quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư chi bộ và trưởng thôn (khu phố), giai đoạn 2016-2020; Đề án số 05-ĐA/TU ngày 01/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay: đã điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý 124 trường hợp; thực hiện luân chuyển, điều động 16 trường hợp (11 cấp trưởng, 5 cấp phó); đã xét, cử cán bộ đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ 17 đồng chí, lý luận chính trị 1.736 đồng chí, bồi dưỡng theo chức danh và cập nhật kiến thức mới cho 1.506 đồng chí.

Thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ, đảng viên; đã quyết định tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng cho trên 1,7 vạn đảng viên; tiếp tục thực hiện mua thẻ bảo hiểm y tế cho đảng viên được tặng Huy hiệu từ 30 năm tuổi Đảng trở lên không được hưởng các chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước; thực hiện mức hỗ trợ kinh phí để chi bộ thôn (khu phố) tổ chức sinh hoạt hàng tháng, sơ kết, tổng kết năm. Thực hiện tốt nhiệm vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ và thực hiện quy định của Tỉnh ủy về cử cán bộ, đoàn cán bộ tỉnh đi công tác nước ngoài.

Các cấp, các ngành nghiêm túc thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý và lấy phiếu tín nhiệm đối với cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý hàng năm; đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên đảm bảo dân chủ, công khai và thiết thực. Bình quân hàng năm 51,51% số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh. Chú trọng tạo nguồn phát triển đảng viên, nửa đầu nhiệm kỳ, đã kết nạp được 4.321 đảng viên mới, tăng 307 đảng viên so với nửa đầu nhiệm kỳ trước.

4.3- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Cấp ủy các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Ngay từ đầu nhiệm kỳ đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm, phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương, đơn vị, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm của đảng bộ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 03-ĐA/TU ngày 15/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2015 – 2020, góp phần tăng cường xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch vững mạnh”. Cấp ủy và UBKT các cấp trong tỉnh đã kiểm tra và giám sát gần 1 vạn lượt tổ chức đảng và đảng viên. Thi hành kỷ luật 38 tổ chức đảng và 856 đảng viên. Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 5 đảng viên; giải quyết tố cáo 88 đảng viên và 02 tổ chức đảng, đảm bảo đúng quy trình, quy định. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng góp phần tích cực nâng cao ý thức của tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, ngăn ngừa vi phạm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, giữ gìn sự trong sạch của Đảng, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

4.4- Công tác dân vận và vận động quần chúng của Đảng

Các cấp ủy Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, thị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận. Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án số 01-ĐA/TU ngày 05/5/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ (QCDC) ở xã, phường, thị trấn; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 15/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp giai đoạn 2016- 2020. Việc thực hiện QCDC ở các loại hình cơ sở được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCDC ở cơ sở; tập huấn thực hiện QCDC ở cơ sở. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tôn giáo thực hiện theo sự chỉ đạo của chính quyền các cấp. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang được duy trì; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Dân vận khéo" trong lực lượng công an tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, xây dựng nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế - xã hội; tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, thực hiện giám sát và phản biện xã hội theo quy chế quy định; tổ chức triển khai đại hội các đoàn thể, hội quần chúng theo nhiệm kỳ. Phát động ủng hộ quỹ nhân đạo, từ thiện; tổ chức thăm, tặng quà, khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng, sửa nhà tình nghĩa... cho các đối tượng chính sách, người có công nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 và các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh... Công tác xây dựng, phát triển tổ chức đoàn thể, hội được quan tâm; tổ chức nhiều hoạt động chăm lo, giúp đỡ đoàn viên, hội viên phát triển sản xuất, kinh doanh; đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, hội thi, hội diễn, tư vấn cho đoàn viên, hội viên... Nhìn chung, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có tiến bộ rõ; góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

4.5- Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng

Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tăng cường; hoạt động của các cơ quan trong khối nội chính có đổi mới, chất lượng được nâng lên. Các cấp ủy, chính quyền, các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh, trọng tâm là các cơ quan tư pháp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác nội chính, các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: công khai, minh bạch... Ban Nội chính Tỉnh ủy chủ trì tiến hành 05 cuộc kiểm tra, 07 cuộc giám sát theo chuyên đề; tổ chức 08 lớp tập huấn cho 1.650 lượt người về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Chú trọng việc kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác thi hành án dân sự được thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo được tăng cường; tổ chức tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng quy định, góp phần ổn định tình hình chung trên địa bàn.

5- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

5.1- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị

Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII theo chủ đề hàng năm với cách làm phù hợp, thiết thực và hiệu quả. Nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động; nâng cao ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống lành mạnh, trong sáng và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên với xã hội; cán bộ, đảng viên đều đề ra và đăng ký được những nội dung cụ thể, sát thực... từ đó xây dựng được nhiều tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII.

Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy định cụ thể về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Hàng năm, các cấp ủy kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra, đánh giá, sơ kết việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với Hội nghị tổng kết công tác xây dựng đảng và kiểm điểm cuối năm, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

5.2- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng

Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện và tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Sau học tập, 100% cấp ủy các cấp đã chỉ đạo cán bộ, đảng viên tham gia học tập viết bài thu hoạch; chỉ đạo người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. 100% cán bộ, đảng viên có cam kết bằng văn bản với chi bộ, cơ quan, đơn vị mình về việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” để rèn luyện phấn đấu và làm cơ sở kiểm điểm đánh giá, xếp loại cuối năm.

Sau gần hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, đã tạo chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cán bộ, đảng viên, của các tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy các cấp; nhận thức đúng và đầy đủ tầm quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết; nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” với 27 biểu hiện để các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên chủ động phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng đã chủ động rà soát, sửa đổi bổ sung quy chế làm việc, trong đó phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong từng công đoạn công việc cụ thể, có chế tài xử lý nghiêm hành vi vi phạm; chỉ đạo UBKT Tỉnh ủy rà soát, hướng dẫn thực hiện chế tài xử lý những hành vi vi phạm trong thực thi quyền lực của người có chức, có quyền. Chỉ đạo các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị rà soát, hoàn thiện các quy định, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, huyện về quản lý, điều hành, đảm bảo công khai, minh bạch góp phần xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, ngăn chặn đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách hành chính và xã hội hóa các dịch vụ công, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên.

III- Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

1- Những hạn chế, yếu kém

1.1- Về kinh tế - xã hội:

- Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa bền vững, tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên tổng sản phẩm còn ở mức cao; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chưa đạt mục tiêu đề ra. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, liên kết trong sản xuất nông nghiệp gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu; sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn, nhất là sản xuất nông nghiệp hàng hóa; giá trị thu được/ha canh tác còn thấp và chưa bền vững; chưa quan tâm đúng mức đến việc nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM.

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, thiếu sự liên kết giữa các nhà sản xuất. Khu vực các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh song sự gắn kết với các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nội tỉnh còn hạn chế, tác dụng lan tỏa của các doanh nghiệp này chưa được phát huy mạnh mẽ. Tiến độ triển khai đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng các KCN, CCN và các dự án phát triển đô thị còn chậm.

- Hạ tầng thương mại, dịch vụ còn hạn chế, dịch vụ logistic phát triển chậm. Chưa có cơ chế hiệu quả để thu hút hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; nội dung, phương pháp đào tạo nghề chưa thật sự bám sát thực tiễn, thiếu gắn kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo; chất lượng đào tạo đại học, dạy nghề còn chưa đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Công tác thu ngân sách gặp nhiều khó khăn, nợ đọng thuế còn ở mức cao.

- Công tác giải phóng mặt bằng còn hạn chế, việc phát hiện và xử lý các vi phạm trong quản lý đất đai chưa triệt để; vấn đề ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp, nhất là ô nhiễm nước trên các sông, kênh trên địa bàn tỉnh. Tình trạng khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương còn diễn biến phức tạp, một số nơi chưa chủ động giải quyết có hiệu quả. Công tác quản lý thông tin, truyền thông, nhất là thông tin trên mạng xã hội còn nhiều hạn chế...

1.2- Về xây dựng hệ thống chính trị:

- Việc đổi mới hình thức thông tin, tuyên truyền còn chậm; công tác nắm bắt, phản ánh và phân tích, dự báo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội ở một số địa phương đơn vị chưa kịp thời và chưa sát thực tiễn, còn có biểu hiện né tránh những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở địa phương mà dư luận quan tâm; công tác tuyên truyền miệng kênh thông tin chính thống, quan trọng chưa được thực hiện ở cơ sở.

- Vai trò tham mưu của một số cán bộ ban tổ chức cấp ủy huyện hiệu quả, trách nhiệm chưa cao, một số cán bộ thiếu nhiệt huyết và sáng tạo trong công việc. Công tác xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh chưa đổi mới rõ nét, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ ở một số chi, đảng bộ còn hạn chế, sinh hoạt chuyên đề còn ít; công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên ở nông thôn và doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, tự phê bình và phê bình của một số tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có mặt còn hạn chế. Công tác thực hiện chính sách cán bộ ở một số nơi chưa kịp thời.

- Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, UBKT cấp cơ sở, chi bộ còn hạn chế; một số cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy huyện chưa thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo lĩnh vực phụ trách. Một số UBKT cấp huyện, cơ sở thiếu quyết liệt trong kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, số lượng cấp ủy viên cùng cấp được kiểm tra chưa nhiều; việc phát hiện dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề và chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm còn ít. Một số cuộc kiểm tra, giám sát tổ chức đảng ở cấp cơ sở chưa gắn với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, chất lượng, hiệu quả có cuộc kiểm tra, giám sát còn hạn chế; việc xem xét thi hành kỷ luật có vụ việc còn chậm; xử lý, giải quyết đơn thư ở một số cấp huyện và cơ sở có việc còn chưa kịp thời, dứt điểm.

- Việc quán triệt, triển khai và cụ thể hóa thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận ở một số cấp ủy đảng còn chưa kịp thời; sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ dân vận có nơi, có việc còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên, hiệu quả thấp; công tác đôn đốc, kiểm tra của cấp ủy về công tác dân vận còn chậm, hiệu quả chưa cao; công tác dân vận của một số cơ quan chính quyền còn có mặt hạn chế; việc triển khai phong trào thi đua “Dân vận khéo” và thực hiện QCDC cơ sở ở một số nơi còn hình thức; việc công khai để dân biết, dân bàn, dân giám sát chưa thật sự được coi trọng; thực hiện cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị ở một số khâu còn chậm, còn hiện tượng gây phiền hà cho nhân dân.

- Nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng đổi mới chưa mạnh và chưa đồng bộ; một số phong trào thi đua còn hình thức, hiệu quả thấp... Giám sát, phản biện xã hội ở một số cơ sở còn lúng túng, chưa tuân thủ nghiêm quy trình; giám sát chính quyền và các cơ quan quản lý Nhà nước còn ít; hoạt động phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền một số nơi còn chưa sâu, rộng.

2- Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

2.1- Đối với lĩnh vực kinh tế - xã hội

- Nguyên nhân khách quan: Trong giai đoạn 2016-2018, một số chủ trương, chính sách của Nhà nước có nhiều thay đổi, nhiều Luật mới được đưa vào áp dụng như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... nhưng các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa được ban hành kịp thời và đồng bộ dẫn tới khó khăn trong việc triển khai. Quá trình hội nhập nhanh và sâu rộng dẫn đến khả năng thích ứng của doanh nghiệp và nhân dân chưa theo kịp; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển. Nhiều doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, sức cạnh tranh chưa cao, khả năng chuyển đổi ngành nghề, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đầu tư đổi mới công nghệ, liên kết làm vệ tinh sản xuất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn lớn còn hạn chế. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN, CCN đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài, ảnh hưởng tiến độ đầu tư dự án.

- Nguyên nhân chủ quan: Một số cấp ủy, lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết những bức xúc của nhân dân. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải của một số dự án, nhà máy sản xuất công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên của các cơ sở dạy nghề còn thiếu. Chi phí đầu vào duy trì các hoạt động logistic còn cao, dẫn tới khó khăn cho các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ.

2.2- Về xây dựng hệ thống chính trị:

- Công tác tham mưu, hướng dẫn và khả năng nắm bắt, tổng hợp tình hình, đề xuất các biện pháp, phương hướng công tác của một số cơ quan tham mưu giúp cấp ủy các cấp còn hạn chế. Sự phối hợp giữa một số ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh với các huyện, thành phố để giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở còn chậm; từng tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm.

- Một số cấp ủy, lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; một số UBKT các cấp chưa nỗ lực tích cực phát hiện, đề xuất, quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, thiếu kiên quyết trong thực hiện nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ công tác Đảng của một số cấp ủy viên cơ sở có mặt còn hạn chế. Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên ở một số địa phương trong công tác dân vận còn chưa cụ thể.

- Phương thức lãnh đạo của một số cấp uỷ đảng, quản lý của chính quyền còn hạn chế; một số địa phương, cơ sở còn lúng túng trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; thiếu đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời uốn nắn những sai sót, khuyết điểm; chưa chủ động giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm lên trên, nhất là ở những nơi có những vấn đề nổi cộm, bức xúc; công tác tự phê bình và phê bình chưa đáp ứng yêu cầu.

- Trình độ nghiệp vụ, năng lực thực tiễn và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu vị trí công tác, chậm được bồi dưỡng, đào tạo, thay thế nhất là trong tham mưu, đề xuất giúp cấp uỷ, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội.

B- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020

Trong nửa nhiệm kỳ còn lại, dự báo tình hình khu vực và thế giới có những biến động; thiên tai, dịch bệnh cũng có những diễn biến khó lường; việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị... tác động tới tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, từ nay đến cuối nhiệm kỳ cần tập trung thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết đã đề ra; đồng thời, cần lãnh đạo quyết liệt nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, gắn với việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp... và tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

I- Các nhiệm vụ trọng tâm

1- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án, kết luận của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh, nhất là thực hiện các khâu đột phá mà Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đã xác định. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để sớm bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án.

2- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực logistic. Tiếp tục khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

3- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, tích cực phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp.

4- Tăng cường thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ chất lượng cao; củng cố và tăng cường hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn; phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh gắn với các di tích quốc gia trên địa bàn.

5- Tập trung hoàn thành tốt kế hoạch thu ngân sách hàng năm và phấn đấu vượt chỉ tiêu thu ngân sách Nghị quyết Đại hội đã đề ra. Chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm và đúng quy định.

6- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, dạy nghề và giải quyết việc làm; chăm lo phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm lo gia đình chính sách, người có công, người già, người tàn tật, trẻ em; quan tâm gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

7- Chú trọng thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị; triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

II- Các nhóm giải pháp chủ yếu

1- Về kinh tế - xã hội

- Về phát triển nông nghiệp, nông thôn: đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2016 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, định hướng 2030. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch chăn nuôi, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch ngành nghề nông thôn và các quy hoạch liên quan khác của ngành. Tiếp tục thực hiện công tác chuyển từ trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm, kết hợp với chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có giá trị và hiệu quả kinh tế cao, phải bảo đảm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Chuyển từng bước từ hộ sản xuất riêng lẻ sang hộ liên kết trong mô hình hợp tác xã kiểu mới và liên kết doanh nghiệp; có cơ chế cụ thể hỗ trợ nông dân thực hiện đồng bộ, hiệu quả để đẩy mạnh hiện đại hóa, cơ giới hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất. Phấn đấu tổng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đến năm 2020 tăng bình quân trên 2,5%/năm.

Tiếp tục huy động nguồn lực xã hội đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, quan tâm thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM, nhất là đối với tiêu chí cảnh quan môi trường nông thôn; phấn đấu đến năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn NTM mới; mỗi huyện có ít nhất 01 xã đạt chuẩn NTM mới kiểu mẫu.

- Về phát triển công nghiệp: Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 14/8/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018

của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 4/10/2016 của Tỉnh ủy Hưng Yên về chương trình phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Đẩy nhanh tiến độ triển khai khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt. Tập trung thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các KCN, CCN đã được quy hoạch. Thường xuyên tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh giúp các doanh nghiệp có thêm thông tin, thuận lợi trong việc hình thành các chuỗi sản xuất-phân phối hiệu quả. Rà soát, đánh giá lại các ngành nghề tiêu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh, nhất là các làng nghề đã được công nhận; gắn phát triển TTCN, làng nghề với xây dựng NTM. Từng bước xây dựng mối liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước, nhất là trong phát triển ngành chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 22/8/2017 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp tư nhân.

- Về phát triển các ngành dịch vụ: tích cực thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ chất lượng cao. Đa dạng hóa các loại hình và nâng cao chất lượng thương mại, dịch vụ. Tích cực thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ chất lượng cao. Củng cố và tăng cường hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả đề án xây dựng mỗi xã một sản phẩm. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 25/5/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ; quan tâm phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: Huy động các nguồn lực xã hội và ngân sách tỉnh để tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển. Rà soát, ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm cần hoàn thành sớm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung làm tốt công tác giải phóng mặt bằng để vừa đảm bảo giải phóng mặt bằng nhanh, góp phần đẩy mạnh công tác thu hút dự án đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước, vừa đảm bảo quyền lợi của người dân có đất chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng đô thị Mỹ Hào, Thành phố Hưng Yên; phát triển các khu đô thị mới theo quy hoạch và theo lộ trình, để vừa đẩy mạnh phát triển dịch vụ, tạo việc làm, vừa cải thiện đời sống nhân dân. Trước mắt giành đất trong quy hoạch cho các doanh nghiệp lớn, có năng lực đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, phục vụ chỗ ở cho người lao động trong các khu công nghiệp hoặc doanh nghiệp không quy hoạch xây dựng nhà ở công nhân

- Chú trọng thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020. Khai thác các nguồn thu, tăng tỷ lệ thu nội địa, đảm bảo chi hiệu quả; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách hàng năm. Tăng cường quản lý thuế, chống thất thu, gian lận và nợ đọng thuế. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Quản lý chi ngân sách theo quy định; tăng cường quản lý đầu tư công, đầu tư trung hạn, bảo đảm chất lượng và tiến độ công trình để phát huy hiệu quả; khắc phục đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản. Chú trọng thực hiện chế độ một cửa, một cửa liên thông; đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, không chồng chéo, không gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân, doanh nghiệp.

- Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ môi trường, có những biện pháp xử lý kịp thời các vi phạm, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và có hiệu quả. rà soát thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai quá thời hạn quy định, không thực hiện đầu tư hoặc không còn khả năng đầu tư. Chủ động ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; chú trọng quản lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, y tế... Đẩy mạnh hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn, nhân rộng mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

2- Về các lĩnh vực văn hóa xã hội

- Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng tốt hơn tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của người lao động. Bổ sung cơ chế ưu đãi thu hút các trường đại học về Khu Đại học Phố Hiến.

- Tập trung triển khai kế hoạch số 89-KH/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy Hưng Yên về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Xây dựng hệ thống y tế phát triển toàn diện theo hướng hiện đại và chuyên sâu, có cơ sở vật chất kỹ thuật cao, đội ngũ thầy thuốc đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Huy động nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn đời sống đối với các đối tượng chính sách; quan tâm giúp đỡ người già; hỗ trợ người tàn tật, người không nơi nương tựa, nạn nhân chất độc da cam, người nghèo; ngăn ngừa các hành vi xâm hại trẻ em; giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em.

- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch sinh thái và du lịch tâm linh. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các dịch vụ về văn hóa, thể thao, du lịch. Phát triển phong trào thể thao quần chúng cả về bề rộng và chiều sâu; nâng cao thể thao thành tích cao, chú trọng xây dựng các môn thể thao mũi nhọn của tỉnh.

3- Về an ninh trật tự, quốc phòng địa phương

- Tăng cường quốc phòng, an ninh, tư pháp, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Đổi mới, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang trong tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật gắn với những vấn đề dư luận xã hội quan tâm và định hướng dư luận. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính và kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan hành chính nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu lực, hiệu quả thi hành án dân sự, phấn đấu không để số việc, số tiền có điều kiện thi hành tồn đọng kéo dài.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp. Tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước để xây dựng bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực quản lý và tính chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành, thực hiện tốt các nhiệm vụ; giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh.

4- Về xây dựng hệ thống chính trị

- Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân; phát huy trí tuệ, trách nhiệm của cấp uỷ trong việc cụ thể hoá thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Mở rộng dân chủ, tăng cường đối thoại, nâng cao chất lượng thông tin hai chiều. Thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp giữa cơ quan tuyên giáo với các cấp, các ngành trong tuyên truyền nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết bức xúc của nhân dân; tăng cường đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "Diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá. Tập trung tuyên truyền sâu, rộng chủ trương, các chỉ thị, nghị quyết mới của Trung ương; chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ trong triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng, gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tập trung lãnh đạo cụ thể hoá, tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng; Chú trọng triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục rà soát lại đội ngũ cán bộ ở các cấp có độ tuổi từ 57 đến 59 tuổi không đủ điều kiện về trình độ chuyên môn theo quy định,

từ đó có cơ chế khuyến khích, động viên đội ngũ này nghỉ công tác trước tuổi, để từng bước thay thế cán bộ trẻ có năng lực, trình độ theo chuẩn quy định vị trí việc làm. Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Tổ chức triển khai lớp bồi dưỡng cho cán bộ quy hoạch chức danh chủ chốt diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Đổi mới và thực hiện có hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ (đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ), đảm bảo đúng nguyên tắc, dân chủ, khách quan, công khai, đúng quy định. Tiếp tục triển khai và đánh giá kết quả thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU ngày 28/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn (khu phố), gắn với mối quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư chi bộ và trưởng thôn (khu phố); Đề án số 05-ĐA/TU ngày 01/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Làm tốt công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; đổi mới nội dung, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ; công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên; quan tâm chỉ đạo công tác tạo nguồn phát triển đảng viên, nhất là ở nông thôn, doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra công vụ; định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công chức, kịp thời điều chuyển những cán bộ, công chức yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, xử lý nghiêm cán bộ có vi phạm.

- Chuẩn bị tốt nguồn nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; chỉ đạo tổ chức đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Tiếp tục triển khai, đánh giá kết quả thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU ngày 15/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, UBKT các cấp nhiệm kỳ 2015-2020, góp phần tăng cường xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh. Tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra giám sát đã đề ra; tăng cường kiểm tra giám sát cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng gắn kiểm tra, giám sát trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm (quản lý đất đai, khoáng sản, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý ngân sách, công tác cán bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí)...

- Đổi mới phương pháp, phong cách lề lối làm việc của các cấp ủy, cơ quan Đảng, chính quyền từ tinh tới cơ sở; xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm, đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, của tỉnh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân vận, quy chế giám sát và phản biện xã hội; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác vận động nhân dân; cụ thể hóa công tác dân vận, xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; thường xuyên đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 15/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp giai đoạn 2016- 2020; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ trong các loại hình cơ sở; đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”.

- Tiếp tục phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động trong tư vấn, giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường, đổi mới phương pháp vận động gắn với thuyết phục lôi cuốn, nhất là những việc khó cần có sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân; bảo vệ quyền lợi chính đáng và trách nhiệm của hội viên, đoàn viên, nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân Hưng Yên nỗ lực phấn đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đề ra.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn, các sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy TTTU,
- LĐ, CVKT-TH VPTU,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Đỗ Tiên Sỹ

DANH MỤC

**Các Chương trình của Tỉnh ủy, Đề án của BTV Tỉnh ủy
cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh**
(Kèm theo Báo cáo số 247-BC/TU ngày 29/8/2018 của Tỉnh ủy)

TT	Số, ký hiệu, ngày tháng ban hành	Tên văn bản
I- Chương trình của Tỉnh ủy		
01	Số 06-NQ/TU ngày 27/6/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030
02	Số 07-NQ/TU ngày 04/10/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025
03	Số 08-NQ/TU ngày 04/10/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030
04	Số 09-NQ/TU ngày 04/10/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình phát triển giáo dục – đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025
05	Số 10-NQ/TU ngày 04/10/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025
06	Số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030.
II- Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
01	Số 01-ĐA/TU ngày 25/5/2016	Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt học tập, triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân
02	Số 02-ĐA/TU ngày 15/8/2016	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, giai đoạn 2016 - 2020
03	Số 03-ĐA/TU ngày 15/8/2016	Đề án nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2015 – 2020, góp phần tăng cường xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch vững mạnh

04	Số 04-ĐA/TU ngày 28/10/2016	Đề án nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn (khu phố), gắn với mối quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư chi bộ và trưởng thôn (khu phố), giai đoạn 2016 - 2020
05	Số 05-ĐA/TU ngày 01/12/2016	Đề án đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý giai đoạn 2016 – 2020 và những năm tiếp theo
06	Số 02-KL/TU ngày 04/10/2016	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025
07	Số 03-KL/TU ngày 11/10/2016	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020
08	Số 04-KL/TU ngày 11/10/2016	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030
09	Số 06-KL/TU ngày 18/11/2016	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Hưng yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến 2035 và những năm tiếp theo
10	Số 07-KL/TU ngày 18/11/2016	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án xây dựng thiết chế văn hoá tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025
<p>Chưa ban hành 01 Đề án: Đề án tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020.</p> <p><i>(Hiện nay việc thực hiện tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ được triển khai theo Kế hoạch 88-KH/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCHTW Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả).</i></p>		

BẢNG TỔNG HỢP

Về một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng
và hệ thống chính trị đến giữa nhiệm kỳ Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 247 - BC/TU ngày 29/8/2018 của Tỉnh ủy)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	Bình quân 2016- 2018	NQĐH XVIII
1	Về tốc độ tăng trưởng GRDP							
	- Giá trị tăng trưởng	tỷ đồng	40.289	43.448	47.144	24.604		
	- Tốc độ tăng trưởng	%	7,84	8,08	8,45	8,68	8,51	7,5-8
2	Tăng trưởng các ngành kinh tế							
2.1	<i>Nông nghiệp - thủy sản</i>							
	- Giá trị sản xuất	tỷ đồng	11.278	11.572	11.778	6.463		
	- Tăng trưởng	%	2,6	2,73	1,78	2,90	2,53	2,5-3
	- Giá trị bình quân thu được trên ha canh tác	Triệu đồng	150	162,5	173,5			210
2.2	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>							
	- Giá trị sản xuất	tỷ đồng	97.743	106.335	116.564	62.031		
	- Tăng trưởng	%	8,79	9,05	9,54	9,63	9,37	9-10
2.3	<i>Thương mại - dịch vụ</i>							
	- Giá trị sản xuất	tỷ đồng	20.510	22.453	24.411	12.379		
	- Tăng trưởng	%	9,47	8,24	8,72	8,66	8,67	8,5-9,5
3	Kim ngạch xuất khẩu							
	- Giá trị	triệu USD	2.518	3.199	3.680	2.170	3.723	5.000
	- Tăng so với cùng kỳ	%	27	27,03	15,05	16,67	19,43	16
4	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	40,4	45	49,3			75
5	Cơ cấu kinh tế							
	- Nông nghiệp - thủy sản	%	13	12,43	10,93			8
	- Công nghiệp - xây dựng	%	49	50,17	51,01			55
	- Dịch vụ	%	38	37,40	38,06			37
6	Thu ngân sách	Tỷ đồng	8.267	9.475	12.015	5.525		13.000
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	5.748	6.704	8.639	4.049		9.000
	- Thu thuế xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	2.519	2.771	3.376	1.476		4.000

7	Thu hút đầu, phát triển DN							
	- Số dự án đầu tư mới	DA	113	194	255	109		
	- Số vốn đăng ký mới	Triệu USD	715,7	901	1.196	306		
	- Số DN đăng ký thành lập mới	DN	698	914	1.313	620		
	- Tổng vốn đầu tư huy động	Tỷ đồng	25.300	28.200	31.100	15.340	74.640	150.000
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	23	23,15	26,18	26,58		40,5
9	Số xã, huyện đạt chuẩn NTM							
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM	%	22	30,3	60			70
	- Số huyện đạt chuẩn NTM	Huyện	-	-	-	1	1	2-3
10	Các chỉ tiêu về văn hóa xã hội							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,81	4,65	3,41			< 2
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
	- Số LĐ được giải quyết việc làm mỗi năm	Người	20.400	21.800	22.150	11.105		> 20.000
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	54	56	58			65,0
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	70,8	88,82	98,14	98,14		100
	- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	71,6	76,2	80,4	85,33		90
	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh	23,6	23,9	27,3	27,3		28
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	6,7	6,5	6,8	6,8		9
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	70	80,3	85,0	90,0		> 90
	- Tỷ lệ CQ, ĐV, GD văn hóa	%	89	89	90	90		90
	- Tỷ lệ làng, khu phố đạt danh hiệu văn hóa	%	86	86	87	87		87
	11	Xếp loại tổ chức đảng						
- Tổ chức đảng đạt TSVM		%	56,62	52,09	50,93		51,51	> 50
- TCCS đảng hoàn thành tốt NV		%	34,93	36,39	39,29		37,84	
	- TCCS đảng hoàn thành NV	%	8,28	11,52	9,78		10,65	
	- TCCS đảng yếu kém	%	0,17	0	0		0	
12	Xếp loại đảng viên							
	- Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%	11,79	11,65	11,04		11,35	

	- Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	73,35	72,94	72,98		72,96	
	- Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ	%	14,31	14,69	15,12		14,91	
	Đảng viên vi phạm tư cách	%	0,55	0,72	0,86		0,79	
13	MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội đạt vững mạnh	%	-	-	-	-	-	> 85
14	Kết nạp đảng viên mới	Người	1.792	1.866	1.696	759	1.693	1.600

BẢNG TỔNG HỢP

**Các mục tiêu chủ yếu và kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện các Chương trình của Tỉnh ủy
và Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh**
(Kèm theo Báo cáo số 247-BC/TU ngày 29/8/2018 của Tỉnh ủy)

STT	Mục tiêu NQĐH XVIII	Mục tiêu theo NQ của Tỉnh ủy, Kết luận của BTV Tỉnh ủy	Kết quả chủ yếu
I	Về Nông nghiệp	Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* GTSX tăng 2,5%/năm;</p> <p>* Đến năm 2020: GTSX NN chiếm 8% trong cơ cấu KT; 1- Giá trị thu được/ha canh tác: 210 triệu đồng; 2- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi: lương thực 15,5% - rau quả, cây công nghiệp 26,5% - CN, TS 58%. 3- Chuyển đổi 2.500ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. 4- Quy hoạch, tập trung đầu tư các vùng SXNN chuyên canh chất lượng và hiệu quả cao tại TPHY và các huyện KC, AT, KĐ, TL, PC. 5- Hoàn thành xử lý các vi phạm công trình thủy lợi.</p>	<p>* GTSX tăng 2,5-3%/năm; trong đó: trồng trọt tăng 0,85%/năm, CN tăng 4,2%/năm, TS tăng 6,72%/năm.</p> <p>* Đến năm 2020: GTSX NN chiếm 8% trong cơ cấu KT; 1- Giá trị thu được/ha canh tác: 210 triệu đồng; 2- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi: lương thực 15,5% - rau quả, cây công nghiệp 26,5% - CN, TS 58%. 3- Thu nhập BQ đầu người <u>khv</u> vực nông thôn đạt 45 triệu đồng. 4- Diện tích lúa hàng hóa chất lượng cao đạt 65-70%, diện tích trồng rau màu an toàn khoảng 10.000 ha; diện tích trồng hoa, cây cảnh đạt 1.600 ha. 5- Tỷ lệ nạc hóa đàn lợn 85% 6- Chuyển đổi 2.500ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. 7- Diện tích cây ăn quả tập trung (9.500 ha cây ăn quả đặc sản chủ lực): nhãn 3.500 ha, vải 1.000 ha, chuối 2.000 ha, cây có múi 3.000 ha. 8- Tỷ lệ LĐ nông nghiệp còn dưới 30% lao động xã hội. 9- Trên 50% DT lúa được cấy bằng máy; 65% DT lúa được thu hoạch bằng máy. Trên 80% số hộ CN gia cầm giống quy mô CN thực hiện ấp trứng gia cầm bằng máy; trên 50% số hộ CN bò sữa thực hiện vắt sữa bò bằng máy; 100% số trang trại, gia trại CN áp dụng biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường CN bằng đệm lót sinh học, hầm biogas. 10- Tập trung hoàn thành xử lý các vi phạm công trình thủy lợi xong trước năm 2019, không để phát sinh vi phạm mới.</p>	<p>* GTSX (2016-2017) tăng 2,25%/năm; trong đó: trồng trọt <u>không có đánh giá</u>, CN tăng 4,45%/năm, TS tăng 6,01%/năm.</p> <p>* Hết năm 2017 GTSX NN chiếm 10,93% trong cơ cấu KT; 1- Giá trị thu được/ha canh tác năm 2017 đạt 173,5 triệu đồng; 2- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi: lương thực 20,2% - rau quả, cây công nghiệp 25,4% - CN, TS 54,4%. 3- Thu nhập bình quân đầu người đạt 49,3 triệu đồng. 4- Diện tích lúa hàng hóa chất lượng cao đạt 63,8%. 5- Tỷ lệ nạc hóa đàn lợn trên 80% 6- Năm 2016 và 2017 đã chuyển đổi 1.940 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. 7- Cơ giới hóa: 100% khâu làm đất và 93,8% khâu thu hoạch SX lúa; 65% trong chăn nuôi; 8- Đến 30/8/2017 đã xử lý 3.833 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi (<i>hiện còn trên 2.700 vi phạm</i>).</p>

II	Về Xây dựng nông thôn mới	Kết luận số 04-KL/TU ngày 11/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến 2020: Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM 70%;</p>	<p>* Đến 2020: Toàn tỉnh có trên 80% số xã đạt chuẩn NTM; bình quân mỗi xã đạt trên 18 tiêu chí, không còn xã nào đạt dưới 15 tiêu chí; có 2-3 huyện NTM.</p> <p>1- Đường trong thôn, xóm và các tuyến trục chính đường nội đồng được cứng hóa 100%;</p> <p>2- 100% trạm y tế xã đạt chuẩn; trên 80% số xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí NTM; trên 80% chất thải rắn nông thôn được thu gom, xử lý; 100% cơ sở SXKD trên địa bàn tỉnh đạt yêu cầu về BVMT.</p> <p>3- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng trên 2 lần so với năm 2015;</p> <p>4- Trên 85% số xã đạt chuẩn XD NTM về tiêu chí CSVC văn hóa; trên 90% số xã có Trung tâm VH- thể thao xã; 80% số thôn có Nhà VH - khu thể thao thôn;</p> <p>5- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,3-1,5%/năm; trên 80% số xã đạt tiêu chí XDNTM về hộ nghèo.</p> <p>6- Tỷ lệ LĐ có việc làm thường xuyên đạt trên 95%;</p> <p>7- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 91,5%;</p> <p>8- Trên 90% hộ dân có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ XD; 100% nghĩa trang xây dựng theo quy hoạch.</p> <p>9- 100% số xã có chợ trong QHXD NTM đạt chuẩn của Bộ XD</p> <p>10- Cơ bản 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch;...</p>	<p>* Đến tháng 6/2018: Toàn tỉnh có 60% số xã đạt chuẩn NTM; bình quân mỗi xã đạt 18,1 tiêu chí; Huyện Mỹ Hòa được công nhận huyện NTM (ngày 10/8/2018).</p> <p>1- Có trên 98% số xã đạt tiêu chí về giao thông;</p> <p>2- Trên 98% số xã đạt tiêu chí về Y tế; 78% số xã đạt tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm;</p> <p>3- Trên 90% số xã đạt tiêu chí về thu nhập;</p> <p>4- Trên 86% số xã đạt tiêu chí về CSVC văn hóa; 100% số xã đạt tiêu chí về thông tin truyền thông;</p> <p>5- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5%/năm; có 84% số xã đạt tiêu chí XDNTM về hộ nghèo.</p> <p>6- Tỷ lệ LĐ có việc làm thường xuyên đạt trên 98%;</p> <p>7- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (năm 2017) đạt 83,5%;</p> <p>8- Có 99% hộ dân có nhà ở đạt tiêu chuẩn của BXD;</p> <p>9- 91,7% số xã đạt tiêu chí về CSHT thương mại nông thôn</p> <p>10- Có 94% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 65% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch;...</p>
III	<p>Về công nghiệp</p> <p>* Chỉ số phát triển CN tăng 9%/năm;</p> <p>* Đến năm 2020</p> <p>1- Tỷ trọng CN, XD chiếm 51,5%</p> <p>2- Có thêm 2-3 KCN và 10 CCN được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động;</p> <p>3- Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký đạt trên 10 tỷ USD;</p>	<p>Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/10/2016, xác định</p> <p>* Chỉ số phát triển CN tăng BQ 9-10%/năm;</p> <p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Tỷ trọng CN, XD chiếm 55% trong cơ cấu KT;</p> <p>2- Có thêm 2-3 KCN và 10 CCN được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động;</p> <p>3- Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký đạt trên 10 tỷ USD;</p>	<p>Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ</p> <p>* Chỉ số phát triển CN 2016-2017 tăng BQ 9,3%/năm;</p> <p>* Hết năm 2017</p> <p>1- Tỷ trọng CN, XD chiếm 51,01% trong cơ cấu KT;</p> <p>2- Có thêm 01 KCN và 02 CCN đang được đầu tư XDHT;</p> <p>3- Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký đạt trên 9,3 tỷ USD;</p>

	4- Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD;	4- Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD; 5- 100% CSSXCN trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm duy trì thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.	4- Kim ngạch xuất khẩu đạt gần 3,7 tỷ USD; 5- Còn không ít CSSXCN trên địa bàn tỉnh chưa bảo đảm duy trì thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.
IV	Về Giao thông vận tải	Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Trên 80% km đường tỉnh đạt cấp đường quy hoạch;</p> <p>2- 100% ĐH được trải nhựa, cứng hóa</p> <p>3- 100% đường liên xã được cứng hóa trải nhựa hoặc bê tông;</p> <p>4- 100% đường trong thôn, xóm, các tuyến trục chính đường nội đồng được cứng hóa</p> <p>5- Hoàn thành ĐTXD tuyến đường, cầu nối với 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình; nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên;</p> <p>6- ĐTXD các tuyến đường vành đai 3,5, vành đai 4 của Thủ đô qua địa bàn tỉnh;</p> <p>7- ĐTXD đường đê sông Luộc, cầu La Tiến, đường tỉnh 377 và 387, đường 207B, các tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 39 với đường đê tả Sông Hồng, đường trục Bắc - Nam, đường đê tả sông Hồng (GD2).</p> <p>8- XD cảng sông Hồng, sông Luộc</p> <p>9- Hoàn thành các dự án: Nạo vét nâng cấp sông Điện Biên, sông Đồng Quê - Cừu An, các sông trực thuộc hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải</p>	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Trên 80% km đường tỉnh đạt cấp đường quy hoạch;</p> <p>2- 100% tuyến đường huyện được trải nhựa, cứng hóa</p> <p>3- 100% đường liên xã được trải nhựa hoặc bê tông;</p> <p>4- 100% đường trong thôn, xóm, các tuyến trục chính đường nội đồng được cứng hóa</p> <p>5- Hoàn thành ĐTXD tuyến đường, cầu nối với 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình; nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên;</p> <p>6- ĐTXD các tuyến đường vành đai 3,5, vành đai 4 của Thủ đô qua địa bàn tỉnh; di chuyển ga Lạc Đạo gắn với xây dựng cảng ICD.</p> <p>7- ĐTXD đường đê sông Luộc, cầu La Tiến, đường tỉnh 377 và 387, đường 207B, các tuyến đường kết nối giữa QL 39 với đường đê tả Sông Hồng, đường trục Bắc - Nam, đường đê tả sông Hồng (GD2).</p> <p>8- XD cảng sông Hồng, sông Luộc. Bố trí quỹ đất giành cho giao thông đô thị đạt khoảng 18%-25%.</p> <p>9- Hoàn thành các dự án: Nạo vét nâng cấp sông Điện Biên, sông Đồng Quê - Cừu An, các sông trực thuộc hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải.</p> <p>10- Đầu tư xây dựng một số tuyến đường quan trọng tại đô thị Mỹ Hào, khu đại học Phố Hiến theo QH.</p> <p>11- Phát triển các tuyến vận tải liên tỉnh, kết nối HY với các tỉnh, thành phố và kết nối được với các tuyến liên vận quốc tế;</p> <p>12- Vận chuyển HK đạt trên 15 triệu lượt người, tốc độ tăng bình quân 9%/năm; vận chuyển hàng hóa đạt 35 triệu tấn, tốc độ tăng bình quân 8%/năm;</p> <p>13- Hàng năm giảm BQ trên 5% số người chết do TNGT có nguyên nhân từ phương tiện KD vận tải.</p>	<p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- Có 43,2% km đường tỉnh được XD đạt cấp đường QH;</p> <p>2- 96,9% tuyến đường huyện được trải nhựa, cứng hóa</p> <p>3- 94% đường liên xã được trải nhựa hoặc bê tông;</p> <p>4- 68,7% đường trong thôn, xóm, các tuyến trục chính đường nội đồng được cứng hóa</p> <p>5- Năm 2018 hoàn thành ĐTXD tuyến đường, cầu nối với 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình; nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên;</p> <p>6- Đang thực hiện xây cầu La Tiến; cải tạo nâng cấp ĐT.386, DT.382, ĐT.387;...</p> <p>7- Chuẩn bị khởi công cải tạo nâng cấp ĐH17 kếp dài đến ĐT.379, ĐT.378; nâng cấp đê sông Luộc; xây cầu Hồng Tiến trên ĐT.384.</p> <p>8- Đầu tư xây dựng một số tuyến đường quan trọng tại đô thị Mỹ Hào và tại KĐH Phố Hiến theo quy hoạch.</p> <p>9- Hiện tỉnh có 97 tuyến vận tải khách cố định; có 09 tuyến buýt lân cận đang hoạt động với 149 xe ô tô đi Hà Nội và các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương;</p> <p>10- Vận chuyển hành khách (2017) đạt 12,5 triệu lượt người, tăng 13,4%; vận chuyển hàng hóa đạt 26,8 triệu tấn, tăng 14,5%;</p> <p>11- 6 tháng đầu năm 2018, tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh giảm 2 vụ, giảm 2 người chết và giảm 1 người bị thương so với cùng kỳ năm 2017.</p>

V	Về xây dựng và phát triển đô thị	Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- DT nhà ở 25m²sàn/người;</p> <p>2- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,5%;</p> <p>3- XD TP HY đạt đô thị loại II và trở thành một trong các ĐT lớn của VDB sông Hồng;</p> <p>4- XD Thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III;</p> <p>5- Huyện Văn Giang, thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến đạt đô thị loại IV;</p> <p>6- Xây dựng 5 - 6 khu vực đạt đô thị loại V.</p>	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- DT nhà ở 25m²sàn/người (trong đó: DT nhà ở đô thị BQ 29m²sàn/người; nhà kiên cố ở đô thị đạt trên 75%;</p> <p>2- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 41%;</p> <p>3- Xây dựng thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II;</p> <p>4- Thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III;</p> <p>5- Huyện Văn Giang, thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến đạt đô thị loại IV;</p> <p>6- XD 6 khu vực đạt đô thị loại V (thị trấn Ân Thi, thị trấn Lương Bằng, thị trấn Vương, thị trấn Trần Cao; xã Toàn Thắng và xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động).</p>	<p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- (Báo cáo sơ kết không đánh giá)</p> <p>2- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 26,2% (đến T6/2018 đạt 26,6%)</p> <p>3- TPHY đủ điểm tiêu chí đô thị loại II, nhưng không đạt yêu cầu tối thiểu về tiêu chí Quy mô DS và Mật độ DS.</p> <p>4- Khu vực huyện Mỹ Hào được công nhận ĐT loại IV;</p> <p>5- Số điểm tiêu chí ĐT loại IV: Huyện Văn Giang thiếu 4,6 điểm; huyện Văn Lâm thiếu 9 điểm; thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến còn thiếu nhiều điểm.</p> <p>6- Năm 2018, phấn đấu hoàn thành Đề án công nhận đô thị loại V cho 08 xã: Mỹ Sở, Đình Dù, Tân Quang, Trung Trác, Giai Phạm, Liêu Xá, Nghĩa Hiệp, Tân Lập.</p>
VI	<p>Về giáo dục đào tạo</p> <p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Trên 50% học sinh tốt nghiệp phổ thông thi đỗ đại học;</p> <p>2- 75% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học, 90% giáo viên THCS, 20% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn;</p> <p>3- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc học mầm non 45%, tiểu học 95%, THCS 60%, THPT 50%;</p> <p>4- 85% phòng học mầm non, 100% phòng học phổ thông kiên cố;</p> <p>5- Thu hút thêm 3 - 4 trường đại học vào Khu ĐH Phố Hiến.</p>	<p>Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/10/2016, xác định</p> <p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Thu hút 40% cháu vào nhà trẻ; 98% Cháu vào mẫu giáo; 100% Cháu 5 tuổi ra lớp; 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; trên 98,5% HS tiểu học vào lớp 6; 80% HS TN THCS vào THPT;</p> <p>2- Trên 50% học sinh tốt nghiệp THPT thi đỗ ĐH; có trên 45 HS giỏi QG, có HS đạt giải quốc tế.</p> <p>3- 75% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học, 90% giáo viên THCS, 20% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn;</p> <p>4- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc học mầm non 45%, tiểu học 95%, THCS 60%, THPT 50%;</p> <p>5- 85% phòng học mầm non, 100% phòng học phổ thông kiên cố cao tầng;</p> <p>6- Thu hút thêm 3-5 trường ĐH vào Khu ĐHPH</p> <p>7- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 là 99%.</p>	<p>Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ</p> <p>* Đến tháng 3/2018:</p> <p>1- Thu hút 39,7% cháu vào nhà trẻ; 97,8% Cháu vào mẫu giáo; 100% Cháu 5 tuổi ra lớp; 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% HS tiểu học vào lớp 6; 78,8% HS TN THCS vào THPT;</p> <p>2- Có 52,4% học sinh tốt nghiệp THPT thi đỗ ĐH; có 37 HS giỏi QG; <u>chưa có</u> HS đạt giải quốc tế.</p> <p>3- 67,1% giáo viên mầm non, 90,3% giáo viên tiểu học, 69,7% giáo viên THCS, 16,6% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn;</p> <p>4- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc học mầm non 40,9%, tiểu học 78,2%, THCS 53,2%, THPT 51,3%;</p> <p>5- 78,6% phòng học mầm non, 91,2% phòng học tiểu học, 63,3% phòng học THCS và 97,3% phòng học THPT kiên cố cao tầng;</p> <p>6- Có 3 trường ĐH đầu tư vào Khu ĐH Phố Hiến.</p>

VII	Về Y tế	Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 04/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế;</p> <p>2- Tuổi thọ trung bình 74 tuổi;</p> <p>3- Đạt tỷ lệ 28 giường bệnh và 9 bác sỹ, 2 dược sỹ đại học/vạn dân;</p> <p>4- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 80%.</p> <p>5- 90% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.</p>	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về YT;</p> <p>2- Tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi; Tỷ lệ tăng dân số dưới 1%/năm; mức giảm tỷ lệ sinh: 0,2‰; dưới 115 bé trai/100 bé gái</p> <p>3- Đạt tỷ lệ 28 giường bệnh và 9 bác sỹ, 2 dược sỹ đại học/vạn dân; Tỷ lệ xã có bác sỹ đạt 100%.</p> <p>4- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 90%.</p> <p>5- 100% chất thải YT được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.</p> <p>6- Gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh: 83,8% (Thành thị: 100%; nông thôn: 72,5%).</p>	<p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- 98,1% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về YT;</p> <p>2- Tuổi thọ trung bình trên 74 tuổi; Tỷ lệ tăng dân số dưới 1%/năm; mức giảm tỷ lệ sinh 0,2‰; 114 bé trai/100 bé gái</p> <p>3- Đạt tỷ lệ 25,8 giường bệnh và 6,8 bác sỹ/vạn dân; Tỷ lệ xã có bác sỹ đạt 95,2%.</p> <p>4- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 83,8%.</p> <p>5- Gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh: 84,7% (Thành thị: 97%; nông thôn: 72,4%).</p>
VIII	<p>Về Văn hóa- Thể thao</p> <p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- 90% số gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá;</p> <p>2- 87% số làng, khu phố văn hoá;</p> <p>3- 100% huyện, thành phố và 80% số xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hoá thể thao;</p> <p>4- 70% số thôn, khu phố có nhà văn hoá, khu thể thao;</p> <p>5- 100% số thôn, làng có thư viện, tủ sách.</p> <p>6- Số người tập luyện thể thao thường xuyên đạt 30%</p>	<p>Kết luận số 07-KL/TU ngày 18/11/2016, xác định</p> <p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- 90% số gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá;</p> <p>2- 87% số làng, khu phố văn hoá;</p> <p>3- 100% huyện, thành phố và trên 80% số xã, phường, thị trấn có trung tâm VH TT đạt chuẩn;</p> <p>4- 100% số thôn, khu phố có nhà văn hoá, khu TT;</p> <p>5- 100% thư viện huyện được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên;</p> <p>6- Lập QH, xây mới TT Triển lãm – Thông tin tỉnh</p> <p>7- QH địa điểm và XD mới Nhà thiếu nhi tỉnh;</p> <p>8- XD 02 Nhà VH phục vụ công nhân tại các KCN đang hoạt động có số lượng công nhân lớn;</p> <p>9- 100% cán bộ văn hóa cấp tỉnh và 80% cán bộ văn hóa cấp huyện đạt trình độ ĐH trở lên; 100% cán bộ VH cấp xã có trình độ THCN trở lên;</p>	<p>Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ</p> <p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- Số gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá: Báo cáo sơ kết không đánh giá</p> <p>2- Số làng, khu phố văn hoá: Báo cáo sơ kết không đánh giá</p> <p>3- 80% huyện, thành phố và 62,1% số xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hoá thể thao đạt chuẩn;</p> <p>4- 100% số thôn, khu phố có nhà văn hoá, khu thể thao;</p> <p>5- Hoàn thành QH, GPMB Dự án XD thiết chế công đoàn phục vụ công nhân lao động tại huyện Mỹ Hào</p>

IX	Về môi trường	Kết luận số 02-KL/TU ngày 11/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- 90% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường;</p> <p>2- 65% số hộ gia đình ở các thôn thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ;</p> <p>3- Tỷ lệ hộ dân dùng nước HVS đạt 98%.</p>	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Xử lý tiêu hủy trên 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế.</p> <p>2- 65% số hộ gia đình ở các thôn thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ; Tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt;</p> <p>3- Trên 80% số xã đạt chuẩn VSMT theo tiêu chí NTM;</p> <p>4- 73% hộ GD nông thôn có công trình VS đạt yêu cầu</p> <p>5- 70% khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu;</p> <p>6- 100% trường học, trạm YT xã có nhà tiêu HVS được quản lý sử dụng tốt.</p> <p>7- 100% CSSX, kinh doanh đạt yêu cầu về BVMT;</p> <p>8- Trên 80% chất thải rắn nông thôn và 95% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý.</p>	<p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- 100% chất thải rắn y tế và 90% chất thải nguy hại được xử lý tiêu hủy.</p> <p>2- 21,8% số hộ gia đình ở các thôn thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ;</p> <p>3- 77% số xã đạt chuẩn VSMT theo tiêu chí NTM;</p> <p>4- 70% hộ GD nông thôn có công trình VS đạt yêu cầu;</p> <p>5- 20% khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu;</p> <p>6- 90% CSSX KD XD mới đạt yêu cầu về BVMT;</p> <p>7- Trên 67% chất thải rắn nông thôn và 89% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý.</p> <p>8- Tỷ lệ hộ dân dùng nước HVS đạt 94%.</p>
X	Về lao động, việc làm và giảm nghèo	<i>(TU, BTV TU K18 không ban hành chỉ đạo mới)</i>	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Đến năm 2020:</p> <p>1- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%;</p> <p>2- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%;</p> <p>3- Mỗi năm giải quyết việc làm cho 20 nghìn LĐ; trong đó xuất khẩu 3.000 LĐ.</p> <p>4- Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH đạt 50%, tham gia BH thất nghiệp đạt 35%.</p> <p>5- 100% hộ GDCS có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình ở khu dân cư</p>		<p>* Hết năm 2017:</p> <p>1- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3,41%;</p> <p>2- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58%;</p> <p>3- Mỗi năm giải quyết việc làm cho 19,2 nghìn LĐ; xuất khẩu 3.200 LĐ.</p>
XI	Về CCHC, nâng cao Chỉ số PCI	Kết luận số 03-KL/TU ngày 11/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>* Tập trung thực hiện CCHC; rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; tạo thuận lợi nhất cho người dân và DN.</p> <p>* Đến năm 2020</p> <p>1- phần đầu 100% các trao đổi thông tin gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan Đảng</p>	<p>* Các chỉ tiêu về môi trường KD đạt mức tối thiểu bằng TB của cả nước trước 2018; duy trì đến 2020 có Chỉ số PCI thuộc nhóm 30 ĐP có thứ hạng cao trong DS PCI.</p> <p>* Đến năm 2020</p> <p>1- 100% CQHC NN có hệ thống mạng nội bộ được kết nối thông suốt và kết nối internet; 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và UBND cấp xã</p>	<p>* Chỉ số PCI của HY: năm 2015 xếp thứ 56/63; năm 2016 xếp thứ 50/63; năm 2017 xếp thứ 56/63 tỉnh, thành phố cả nước.</p> <p>* Hết năm 2017</p> <p>1- 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP đều xây dựng Webservice của ngành; 100% CQHC từ tỉnh đến xã</p>

	<p>từ cấp huyện trở lên được thực hiện qua mạng thông tin diện rộng của Đảng và các cơ quan Nhà nước từ cấp huyện trở lên được thực hiện qua mạng Internet;</p> <p>2- 70-80% các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan Đảng, Nhà nước được tin học hóa, thực hiện trên mạng máy tính; 90% các văn bản, hồ sơ, dữ liệu được quản lý trên mạng máy tính.</p> <p>3- Mở rộng mô hình bộ phận một cửa, một cửa liên thông tại 100% sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã</p>	<p>được triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành;</p> <p>2- Trên 90% văn bản không mật của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố được trao đổi dưới dạng điện tử (gửi song song cùng văn bản giấy); 100% cổng thông tin điện tử các CQNN của tỉnh có thiết lập kênh trao đổi, hỏi đáp giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan HCNN các cấp.</p> <p>3- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt trên 80%. sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực GD, YT đạt mức trên 80%.</p> <p>4- 100% các CQHC nhà nước trên địa bàn tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm;</p> <p>5- 100% cổng thông tin điện tử các CQNN của tỉnh có thiết lập kênh trao đổi, hỏi đáp giữa người dân, doanh nghiệp với CQHC các cấp;</p> <p>6- 65% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 30% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4.</p> <p>7- 100% các CQHC nhà nước trên địa bàn tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.</p>	<p>triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành.</p> <p>2- 100% các CQHC được trang bị hệ thống phần mềm 1 cửa điện tử để tiếp nhận hồ sơ, công khai kết quả giải quyết TTHC của các đơn vị đối với người dân và doanh nghiệp. 100% các TTHC liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đất đai, môi trường, XD... được niêm yết, công khai.</p> <p>3- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC được cải thiện đáng kể (<i>chưa có đánh giá% mức độ hài lòng</i>)</p> <p>4- Các TTHC về đăng ký doanh nghiệp đã ứng dụng CNTT đạt mức độ 4, TTHC về đầu tư đạt mức độ 3.</p>
XII	Công tác tuyên giáo	Đề án số 01-ĐA/TU ngày 25/5/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>1- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng; rèn luyện phẩm chất đạo đức cho cb, đv;</p> <p>2- Đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt thực hiện CT, NQ của Đảng</p>	<p>1- Phần đầu từ 2016 áp dụng tổ chức quán triệt, học tập CT, NQ của Đảng bằng hình thức TH trực tiếp, truyền thanh trực tiếp; áp dụng tổ chức bằng hình thức trực tuyến đến cấp huyện từ 2017;</p> <p>2- Phần đầu 100% cán bộ, ĐV (không kể ĐV được miễn sinh hoạt) khi học tập CT, NQ của Đảng, được cung cấp tài liệu HN và viết thu hoạch sau học tập.</p> <p>3- 100% báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp được cung cấp thông tin và được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hàng năm.</p> <p>4- 100% TCCSB, cq, đv xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện CT, NQ của Đảng kịp thời</p>	<p>1- Báo cáo sơ kết đánh giá mục tiêu số 1 <u>chưa thực hiện được</u>;</p> <p>2- Tỷ lệ cb, đv tham gia học tập CT, NQ của Đảng: cấp tỉnh đạt 94%, cấp huyện 88%, cấp xã 85,9%; tỷ lệ cung cấp tài liệu học tập: cấp tỉnh 94%, cấp huyện 78,6%, cấp xã 61,3%; tỷ lệ viết thu hoạch sau học tập: cấp tỉnh 63%, cấp huyện 78%, cấp xã 72,2%.</p> <p>3- Báo cáo viên là các đ/c trong Thường trực: cấp tỉnh đạt 100%, cấp huyện 76%, cấp cơ sở đạt 54%.</p> <p>4- 100% TCCSB, cq, đv xây dựng chương trình, kế hoạch</p>

		và sát tình hình thực tiễn của đp, cq, đv. 5- 100% cấp ủy, UBKT các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện KT, QS việc quán triệt học tập, triển khai thực hiện các CT, NQ của Đảng;	hành động thực hiện CT, NQ của Đảng kịp thời và sát tình hình thực tiễn của đp, cq, đv.
XIII	Công tác dân vận	Đề án số 02-ĐA/TU ngày 15/8/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>1- Nâng cao hiệu quả công tác dân vận;</p> <p>2- Tăng cường công tác DV chính quyền;</p> <p>3- Tổ chức cho nhân dân tham gia tích cực vào các phong trào và các công việc cụ thể của từng địa phương, đơn vị không để xảy ra các điểm nóng.</p>	<p>* Đến năm 2020</p> <p>1- 100% XDKH công tác DV được đưa vào KH hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với công tác DV khéo.</p> <p>2- 100% XDKH hoạt động thực hiện QCDC ở cơ sở của các cq, đv, đp gắn với kiện toàn BCĐ, phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên.</p> <p>3- 100% các cấp CQ có cơ chế (hoặc quy định) để khối DV có thành phần tham gia vào XD các CTr, ĐA.</p> <p>4- 100% LĐ phụ trách, cán bộ giúp việc thực hiện công tác DV ở các cq, đv, đp được tập huấn CTDV.</p> <p>5- 100% XD được quy chế phối hợp công tác giữa HĐND, UBND với MTTQ và các TCCT-XH các cấp.</p> <p>6- 100% các cq, đv, đp thực hiện tốt chế độ tiếp, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ.</p> <p>7- Trên 80% đảo đảm sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của CQHC nhà nước.</p>	<p>* Hết năm 2017</p> <p>1- 100% XDKH công tác DV được đưa vào KH hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với công tác DV khéo.</p> <p>2- 100% XDKH hoạt động thực hiện QCDC ở cơ sở của các cq, đv, đp gắn với kiện toàn BCĐ, phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên.</p> <p>3- 80% các cấp CQ có cơ chế (hoặc quy định) để khối DV có thành phần tham gia vào XD các CTr, ĐA.</p> <p>4- 100% LĐ phụ trách, cán bộ giúp việc thực hiện công tác DV ở các cq, đv, đp được tập huấn CTDV.</p> <p>5- 80% XD được quy chế phối hợp công tác giữa HĐND, UBND với MTTQ và các TCCT-XH các cấp.</p> <p>6- 86,2% các cq, đv, đp thực hiện tốt chế độ tiếp, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ.</p> <p>7- Trên 80% đảo đảm sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của CQHC nhà nước.</p>
XIV	Công tác kiểm tra, giám sát	Đề án số 03-ĐA/TU ngày 15/8/2018, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>1- Tăng cường nâng cao hiệu lực công tác KT, GS, kỷ luật Đảng</p> <p>2- Chú trọng kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm;</p> <p>3- Thực hiện luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.</p>	<p>1- 100% cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm chỉ đạo của cấp trên;</p> <p>2- 100% cấp ủy các cấp và 100% UBKT các cấp xây dựng và thực hiện nghiêm chương trình KT, GS toàn khóa và hàng năm..</p> <p>3- 100% cấp ủy các cấp chủ động chỉ đạo giải quyết kịp thời đơn thư KN, TC; chỉ đạo XLKL sai phạm.</p> <p>4- Số tổ chức đảng cấp dưới và ĐV được kiểm tra khi</p>	<p>1- 100% cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm chỉ đạo của cấp trên;</p> <p>2- 100% cấp ủy các cấp và 100% UBKT các cấp xây dựng và thực hiện nghiêm chương trình KT, GS toàn khóa và hàng năm..</p> <p>3- 95% cấp ủy các cấp chủ động chỉ đạo giải quyết kịp thời đơn thư KN, TC; chỉ đạo XLKL sai phạm.</p> <p>4- Đến 30/6/2018 đã kiểm tra 3.777 ĐV, tăng 114,77% so</p>

		<p>có dấu hiệu vi phạm và giám sát theo chuyên đề tăng từ 20-30% so nhiệm kỳ trước.</p> <p>5- 100% UBKT cấp huyện và tương đương tổ chức giao ban, hội thảo chuyên đề về công tác KT, GS và thi hành kỷ luật đảng 3tháng/lần; cấp tỉnh 6tháng/lần.</p> <p>6- Hàng năm, 100% UBKT các cấp tham mưu cấp ủy tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cấp ủy, cán bộ làm công tác KTGS từ huyện đến cơ sở</p>	<p>với nửa đầu nhiệm kỳ trước, 2.405 TCD, bằng 94,54% so với nửa đầu nhiệm kỳ trước; giám sát 2.407 ĐV, tăng 158,77%, 1.379 TCD, tăng 103,37%.</p> <p>5- Có 50% UBKT cấp huyện và tương đương tổ chức giao ban về công tác KT, GS và thi hành kỷ luật đảng 3tháng/lần, 50% thực hiện 6tháng/ lần; cấp tỉnh 6tháng/lần.</p> <p>6- UBKT cấp tỉnh, cấp huyện đã tham mưu mở 41 lớp BD nghiệp vụ cho trên 4.200 lượt cán bộ KT các cấp.</p>
XV	Công tác tổ chức xây dựng đảng	Đề án số 04-ĐA/TU ngày 28/10/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>1- Hàng năm TCCSD đạt TSVM trên 50%;</p> <p>2- Hàng năm kết nạp mới 1.600 đảng viên;</p>	<p>1- 100% chi bộ thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt định kỳ; 100% chi bộ xd và hoạt động theo quy chế.</p> <p>2- 100% CB có NQ lãnh đạo thực hiện NV chính trị.</p> <p>3- 100% chi bộ sinh hoạt chuyên đề 3 tháng/lần.</p> <p>4- Hàng năm không còn chi bộ yếu kém; không quá 50% chi bộ TSVM.</p> <p>5- 100% ĐV trong chi bộ được phân công nhiệm vụ; 85% đv tham gia sinh hoạt; trên 80% đv HTTNV.</p> <p>6- 100% chi bộ thôn và thôn XD và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa BTCB và trường thôn.</p> <p>7- Đến 2020 có 85% Trường thôn là đảng viên.</p>	<p>1- 100% chi bộ xd quy chế và hoạt động theo quy chế.</p> <p>2- Hàng năm 100% CB có nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.</p> <p>3- 100% chi bộ sinh hoạt chuyên đề 3 tháng/lần.</p> <p>4- Năm 2017, có 06 CB yếu kém; có 41,2% chi bộ TSVM.</p> <p>5- 100% ĐV trong chi bộ được phân công nhiệm vụ; Năm 2017, trên 85% ĐV tham gia SH; trên 66,1% ĐV HTTNV.</p> <p>6- Có 96,1% CB thôn và thôn XD và thực hiện quy chế phối hợp công tác giữa BTCB và trường thôn. Có 65,7% CB thôn, khu phố được hỗ trợ sinh hoạt phí.</p> <p>7- Đến 6/2018: có 73,3% Trường thôn là đảng viên.</p>
XVI	Công tác QPQS địa phương	Kết luận số 06-KL/TU ngày 18/11/2016, xác định	Kết quả thực hiện đến giữa nhiệm kỳ
	<p>1- Xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ, các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương gắn với phát triển kinh tế.</p> <p>2- Thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tập luyện thành thực các phương án, kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn;</p>	<p>1- ĐTXD các công trình phòng thủ, công trình lưỡng dụng: Mở rộng trường bắn; xây dựng Trung tâm huấn luyện dự bị động viên; nâng cấp Trạm sửa chữa, cứu kéo và xây dựng Bến cảng quân sự phục vụ công tác cứu hộ - cứu nạn.</p> <p>2- Thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tập luyện thành thực các phương án, KH tác chiến, KH phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn;</p>	<p>1- Đang triển khai ĐTXD: Trung tâm cứu hộ, cứu nạn-cảng quân sự, phân căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh; Sở chỉ huy cơ bản Bộ CHQS tỉnh.</p>

(Kết quả thực hiện không đề cập tương ứng nội dung chỉ tiêu không được nhắc đến trong Báo cáo sơ kết)
